ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 17 tháng 04 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu (sau đây gọi tắt là CSDL) đất đai trong hoạt động cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Công chức, viên chức và người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang.

Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Mạng* là khái niệm chung dùng để chỉ mạng viễn thông (cố định, di động, Internet), mạng máy tính (WAN, LAN).

2. *Hệ thống thông tin* (HTTT) là tập hợp phần cứng, phần mềm và CSDL được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên môi trường mạng.

3. *Dữ liệu* là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.

4. *Hệ thống thông tin đất đai* là hệ thống tổng hợp các yếu tố hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, phần mềm, dữ liệu được xây dựng thành một hệ thống tập trung, thống nhất để quản lý, vận hành, cập nhật và khai thác thông tin đất đai trên phạm vi toàn tỉnh An Giang. Các thành phần cơ bản của Hệ thống thông tin đất đai được quy định tại Điều 163 Luật Đất đai 2024.

5. *Cơ sở dữ liệu đất đai* là tập hợp thông tin có cấu trúc của dữ liệu về văn

bản quy phạm pháp luật về đất đai; dữ liệu địa chính; dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; dữ liệu giá đất; dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu về thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai và các dữ liệu khác liên quan đến đất đai được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thường xuyên bằng phương tiện điện tử.

6. *Cơ sở dữ liệu địa chính* là thành phần cơ bản của cơ sở dữ liệu đất đai, làm cơ sở để xây dựng và định vị không gian các cơ sở dữ liệu thành phần khác.

7. *Dữ liệu không gian địa chính* là dữ liệu mô tả các đối tượng trên bề mặt trái đất được thể hiện dưới dạng hình học, được quản lý bằng hình thể và mối tương quan không gian. Dữ liệu không gian địa chính được biểu diễn dưới ba dạng cơ bản là đường, điểm và vùng.

8. *Dữ liệu thuộc tính địa chính* là dữ liệu về người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tổ chức và cá nhân có liên quan đến các giao dịch về đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; dữ liệu thuộc tính về thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; dữ liệu biến động của thửa đất; dữ liệu ngăn chặn thửa đất, dữ liệu lịch sử biến động của thửa đất …

9. *Hồ sơ quét* là hệ thống file số định dạng *.pdf của hồ sơ địa chính bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận), hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận và hồ sơ đăng ký biến động đất đai.

10. *Dữ liệu đất đai phi cấu trúc* là những dữ liệu không tuân theo một cấu trúc hay mô hình dữ liệu cụ thể, bao gồm các tập tin pdf, tập tin văn bản, tập tin ảnh, tập tin đồ họa và các dạng dữ liệu phi cấu trúc khác về: địa chính; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu khác liên quan đến đất đai.

11. *Bản đồ địa chính* là bản đồ thể hiện các thửa đất và các đối tượng quản lý có liên quan, lập theo đơn vị hành chính cấp xã, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

12. *Bản đồ địa chính (dạng số) dùng chung* là hệ thống file bản đồ địa chính trên định dạng *.dgn theo chuẩn của phần mềm Microstation. Bản đồ địa chính (dạng số) được lưu trữ và khai thác cập nhật theo Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và được vận hành trên hệ thống phần mềm quản lý phiên bản tập trung, được chia sẻ, phân quyền và sử dụng thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã trong phạm vi ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh An Giang.

13. *Phần mềm Quản lý thông tin đất đai* là phần mềm đáp ứng các yêu cầu về quản lý, vận hành, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai đảm bảo đúng tiêu chuẩn và an toàn thông tin.

14. *Sự cố* là những sai hỏng, trục trặc (phần cứng và/hoặc phần mềm) khiến hệ thống không còn đáng tin cậy, trục trặc trong vận hành, hoạt động

không bình thường.

15. *An toàn thông tin* là sự bảo vệ các hệ thống thông tin nhằm phòng, chống và tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép bảo đảm tính toàn vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin

16. *Tài sản công nghệ thông tin* là các trang thiết bị, thông tin thuộc hệ thống công nghệ thông tin của đơn vị, bao gồm:

a) Tài sản vật lý là các thiết bị công nghệ thông tin, phương tiện truyền thông và các thiết bị khác gắn với hoạt động của hệ thống thông tin, như: Máy vi tính, máy tính bảng, thiết bị lưu trữ, thiết bị ngoại vi, hệ thống điều hòa, hệ thống cung cấp điện, hệ thống chống sét, hệ thống camera,…

b) Tài sản thông tin là các dữ liệu, tài liệu liên quan đến hệ thống thông tin.

c) Tài sản phần mềm là các chương trình ứng dụng, phần mềm hệ thống, CSDL và công cụ phát triển.

17. *Đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm Quản lý thông tin đất đai* là đơn vị thực hiện việc cung cấp các dịch vụ, giải pháp, ứng dụng toàn diện phục vụ công tác quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 3. Quy định chung về cơ sở dữ liệu đất đai

1. Cơ sở dữ liệu đất đai chứa dữ liệu phục vụ lưu trữ, chia sẻ theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước gồm dữ liệu chủ, dữ liệu thửa đất, tài sản gắn liền với đất và dữ liệu kết nối, chia sẻ theo quy định tại theo khoản 4 Điều 52 Nghị định 101/2024/NĐ-CP.

2. Đảm bảo tính pháp lý

Thông tin trong CSDL đất đai được kiểm tra, nghiệm thu theo quy định thì có giá trị pháp lý như trong hồ sơ đất đai dạng giấy.

Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang được bảo đảm tính pháp lý theo quy định của Luật Đất đai 2024. Mọi công tác liên quan đến dữ liệu đất đai phải được trích xuất từ cơ sở dữ liệu đất đai và được xác nhận của đơn vị được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ thì mới có giá trị pháp lý.

3. Đảm bảo tính duy nhất

Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang là nguồn dữ liệu duy nhất, thống nhất và chính thống về thông tin đất đai trong phạm vi toàn tỉnh. Mọi hoạt động đăng ký, cập nhật, chỉnh lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu đất đai đều phải thực hiện trên cơ sở dữ liệu này, không được sử dụng hoặc duy trì song song các hệ thống, tệp dữ liệu riêng lẻ khác.

4. Đảm bảo tính toàn vẹn

Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang được lưu trữ, xử lý và truyền tải trong hệ thống phải được bảo đảm chính xác, đầy đủ, logic, nhất quán và không bị thay đổi trái phép, phản ánh trung thực thông tin đất đai thực tế trên địa bàn tỉnh.

Tất cả các đơn vị tham gia vận hành, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai có trách nhiệm tuân thủ, không thực hiện bất kỳ hành động nào làm thay đổi hoặc phá vỡ tính toàn vẹn dữ liệu. Trường hợp cố ý vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

5. Đảm bảo tính sẵn sàng chia sẻ và khai thác sử dụng

Cơ sở dữ liệu đất đai phải đảm bảo luôn sẵn sàng để sử dụng, có hệ thống dự phòng để đảm bảo hoạt động ổn định, liên tục.

Mọi hoạt động liên quan đến bảo dưỡng, bảo trì làm gián đoạn việc sử dụng CSDL đất đai phải được thông báo trước. Trong trường hợp có sự cố bất khả kháng đơn vị quản lý có trách nhiệm khắc phục trong thời gian sớm nhất và phải được báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6. Đảm bảo tính lịch sử của cơ sở dữ liệu đất đai

Tất cả biến động dữ liệu về đất đai phải được cập nhật vào thông tin lịch sử của CSDL đất đai.

Cơ sở dữ liệu đất đai tự động ghi nhật ký tất cả các hoạt động cập nhật CSDL đất đai của người dùng hệ thống. Nhật ký được lưu trữ trong CSDL đất đai và phải được sao lưu theo quy định, phục vụ tra cứu người sử dụng tại các phiên làm việc và xác định các tác động đối với CSDL đất đai khi xảy ra sự cố.

7. Đảm bảo an toàn thông tin

a) Công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND các xã, phường, đặc khu: Chỉ cài đặt, sử dụng phần mềm hợp lệ theo danh mục được cơ quan có thẩm quyền ban hành; không tự ý cài đặt, gỡ bỏ phần mềm khi chưa được phép. Thường xuyên cập nhật phần mềm, hệ điều hành; khóa màn hình khi rời vị trí; đăng xuất ứng dụng khi ngừng sử dụng; tắt máy sau giờ làm việc.

b) Cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc và thiết lập chế độ tự động cập nhật; khi phát hiện dấu hiệu nhiễm mã độc phải ngừng sử dụng thiết bị và báo ngay Văn phòng đăng ký đất đai để xử lý.

c) Chỉ sử dụng máy tính cho hoạt động nghiệp vụ; không truy cập, lưu trữ, phát tán nội dung vi phạm pháp luật; không tự ý thay đổi cấu hình, phần cứng. Việc sử dụng thiết bị lưu trữ di động phải được sự đồng ý của lãnh đạo đơn vị; thực hiện quét mã độc, mã hóa dữ liệu và các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin.

d) Quản lý tài khoản truy cập:

Sử dụng tài khoản được cấp với định danh cá nhân, không lưu thông tin đăng nhập trên hệ thống.

Khi thay đổi vị trí công tác, chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện thu hồi, hủy bỏ quyền truy cập.

Việc khóa tài khoản đang hoạt động phải có yêu cầu bằng văn bản của lãnh đạo đơn vị; Văn phòng đăng ký đất đai phối hợp thực hiện khóa khi phát hiện nguy cơ hoặc vi phạm an toàn thông tin.

Chương II
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 4. Cơ quan quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai

Sở Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị được UBND tỉnh giao trực tiếp quản lý, vận hành và khai thác CSDL đất đai; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, chính xác, an toàn và hiệu quả của hệ thống. Sở Nông nghiệp và Môi trường giao trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện như sau:

1. Chi cục Quản lý đất đai là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước, chủ trì thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý Hệ thống thông tin đất đai.

2. Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị làm đầu mối trong quản lý, vận hành, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai; hướng dẫn, hỗ trợ cấu hình, phân quyền, cung cấp tài khoản và đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với Hệ thống thông tin đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị quản lý, vận hành, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai tại địa bàn mình đang quản lý, tài khoản truy cập do Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp.

4. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã được truy cập vào cơ sở dữ liệu đất đai để trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai dựa vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai 2024 và Điều 17 Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; việc truy cập vào cơ sở dữ liệu đất đai thông qua tài khoản do Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp.

5. Các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về đất đai được phép truy cập vào nguồn CSDL đất đai (các quyền hạn khi truy cập tùy theo chức năng nhiệm vụ được giao) nhưng phải có sự đồng ý của lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6. Các cơ quan, đơn vị liên quan được phân quyền truy cập cụ thể tại Điều 9 của Quy chế này.

Điều 5. Nguyên tắc vận hành cơ sở dữ liệu đất đai

1. Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang được quản lý và vận hành theo mô hình tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh trên phần mềm đã được cấp thẩm quyền cho phép sử dụng. Mọi hoạt động truy cập, cập nhật, khai thác hoặc bảo trì hệ thống phải thực hiện đúng phân quyền, quy trình nghiệp vụ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang được tổ chức theo chuẩn kỹ thuật cho phép liên thông, tích hợp và chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác và hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao quyền quản trị, cập nhật, khai thác hoặc sử dụng dữ liệu đất đai phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp và an toàn của dữ liệu trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai

1. Việc cập nhật, chỉnh lý biến động CSDL đất đai phải thông qua Hệ thống thông tin đất đai. Các thông tin dữ liệu cập nhật vào hệ thống phải thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Nghiêm cấm việc sử dụng các phần mềm CSDL khác có chức năng tương tự để cập nhật, thay đổi cấu trúc CSDL đất đai.

2. Những đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về đất đai được cấp tài khoản cập nhật CSDL đất đai tùy theo chức năng nhiệm vụ được giao. Việc cập nhật CSDL đất đai thông qua các hoạt động nghiệp vụ của đơn vị chuyên môn phải đảm bảo đầy đủ thông tin, không được nhập dữ liệu dư thừa.

3. Những đơn vị khác được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ thực hiện các dự án liên quan đến việc xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai được phép cập nhật CSDL đất đai theo thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt. Việc cập nhật CSDL địa chính thông qua các công trình dự án phải đảm bảo các yêu cầu trong thiết kế kỹ thuật và không làm gián đoạn các công tác cập nhật dữ liệu thường xuyên, dữ liệu trước khi cập nhật vào CSDL địa chính phải được kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

Điều 7. Kiểm tra, giám sát việc cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai

1. Đối với công tác cập nhật cơ sở dữ liệu thường xuyên, việc kiểm tra giám sát phải được thực hiện thường xuyên theo các quy định hiện hành.

2. Việc kiểm tra được thực hiện trực tiếp trên cơ sở dữ liệu đất đai thông qua các môđun của Hệ thống thông tin đất đai về kiểm tra cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai.

3. Công tác kiểm tra, giám sát bao gồm cả tính đầy đủ, chính xác nội dung và cấu trúc của việc cập nhật cơ sở dữ liệu.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường giao Văn phòng đăng ký đất đai chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra việc cập nhật dữ liệu hồ sơ địa chính vào cơ sở dữ liệu đất đai tại các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Điều 8. Quản lý và vận hành hệ thống bản đồ địa chính dùng chung

1. Bản đồ địa chính dùng chung được quản lý và vận hành theo mô hình tập

trung, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh do Văn phòng đăng ký đất đai quản lý.

2. Cập nhật bản đồ địa chính dùng chung phải thực hiện thông qua việc đăng nhập và phần mềm TortoiseSVN với tài khoản được cung cấp để tải về bản mới nhất của tờ bản đồ địa chính. Kết quả cập nhật phải được kiểm tra theo quy định trước khi chuyển vào cơ sở dữ liệu đất đai.

3. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm phân quyền truy cập, cấp quyền sử dụng và giám sát hoạt động của người sử dụng tham gia khai thác hệ thống bản đồ địa chính dùng chung đúng quy định, gắn với trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân để đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống; có các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin; có cơ chế sao lưu, lưu trữ, dự phòng và phục hồi dữ liệu định kỳ cũng như đột xuất khi xảy ra sự cố.

4. Phần mềm ứng dụng dùng để quản lý và vận hành dữ liệu bản đồ địa chính dùng chung là phần mềm mã nguồn mở TortoiseSVN.

5. Tất cả các máy tính tại các cơ quan, đơn vị khi kết nối vào hệ thống bản đồ địa chính dùng chung phải được cài đặt các phần mềm bảo vệ, phòng chống mã độc có bản quyền được thiết lập chế độ tự động cập nhật, tự động quét mã độc khi sao chép, mở các tập tin.

Điều 9. Quản lý tài khoản người dùng

1. Cấp tài khoản người sử dụng

a) Việc cấp và phân quyền chức năng tài khoản người dùng theo yêu cầu của các đơn vị được nêu tại Điều 4 phải được sự phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Văn phòng đăng ký đất đai chịu trách nhiệm cấp và phân quyền tài khoản người dùng để truy cập vào hệ thống thông tin đất đai, hệ thống bản đồ địa chính dùng chung theo văn bản đề nghị của đơn vị sử dụng theo mẫu tại *Phụ lục 1* sau khi đã được lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt.

c) Mọi tài khoản được cung cấp phải được định danh đến từng người dùng cụ thể.

2. Quản lý tài khoản

a) Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm theo dõi, quản lý và đề xuất xử lý đối với các tài khoản đã được cấp theo quy định.

b) Tài khoản quản trị hệ thống phải có mật khẩu đủ độ dài (12 ký tự trở lên) và phải kết hợp các loại ký tự sau: chữ cái in thường (a, b,...), chữ cái in hoa (A, B,…), ký tự số (1, 2,…) và các ký tự đặc biệt (@, !, #...). Yêu cầu 01 (một) tháng phải thay đổi mật khẩu một lần.

c) Tài khoản quản lý hệ thống đối với các đơn vị sử dụng yêu cầu mật khẩu phải có đủ độ dài (12 ký tự trở lên) và phải kết hợp các loại ký tự sau: chữ cái in thường (a, b,…), chữ cái in hoa (A, B,…), ký tự số (1, 2,…) và các ký tự đặc biệt (@, !, #...). Yêu cầu 01 (một) tháng phải thay đổi mật khẩu một lần.

d) Tài khoản người dùng yêu cầu phải có mật khẩu đủ độ dài (8 ký tự trở lên) và phải kết hợp các loại ký tự sau: chữ cái in thường (a, b,…), chữ cái in hoa (A, B,…), ký tự số (1, 2,…) và các ký tự đặc biệt (@, !, #...). Yêu cầu 06 (sáu) tháng phải thay đổi mật khẩu một lần.

đ) Khóa tài khoản

- Tài khoản không sử dụng quá 01 (một) tháng.

- Tài khoản cấp mới nhưng trong vòng 01 (một) tuần không đổi mật khẩu.

- Trường hợp đơn vị có công chức, viên chức đã được cấp tài khoản truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai nghỉ việc, nghỉ hưu hoặc điều chuyển công tác hoặc thay đổi vị trí việc làm, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm phải thông báo bằng văn bản đến theo mẫu tại *Phụ lục 1* trong vòng 03 (ba) ngày kể từ khi có Quyết định phê duyệt đến Văn phòng đăng ký đất đai để tiến hành khóa tài khoản ngay sau khi nhận được thông báo.

e) Người dùng có trách nhiệm bảo quản tài khoản theo các quy định về an toàn, an ninh thông tin. Nghiêm cấm việc sử dụng, đăng nhập tài khoản người sử dụng trái thẩm quyền, phát tán dữ liệu dưới mọi hình thức. Trường hợp thất thoát tài khoản làm xảy ra thiệt hại liên quan đến CSDL đất đai tập trung, người sở hữu tài khoản đó sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

3. Phân quyền tài khoản

Các cơ quan, đơn vị tham gia quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai được phân quyền cụ thể theo sự phê duyệt của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Chương III
KHAI THÁC VÀ CHIA SẺ CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 10. Nguyên tắc khai thác và chia sẻ dữ liệu đất đai

1. Việc khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang phải tuân thủ quy định của pháp luật về bí mật nhà nước, pháp luật về đất đai, về tiếp cận thông tin, về an toàn thông tin mạng và các quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Cơ sở dữ liệu đất đai được khai thác, chia sẻ trên nguyên tắc:

a) Đúng thẩm quyền, đúng mục đích, phục vụ công tác quản lý nhà nước, nhu cầu chuyên môn và cung cấp dịch vụ công cho tổ chức, cá nhân;

b) Bảo đảm tính toàn vẹn, thống nhất và bảo mật của dữ liệu;

c) Không làm thay đổi, sao chép, sửa đổi hoặc phá vỡ cấu trúc dữ liệu gốc trong quá trình khai thác;

d) Ưu tiên chia sẻ dữ liệu dưới dạng điện tử thông qua Hệ thống thông tin đất đai, Cổng thông tin đất đai hoặc các hệ thống tích hợp dùng chung;

3. Mọi hình thức khai thác hoặc chia sẻ dữ liệu phải được ghi nhận, lưu vết nhật ký để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá, đối soát và xử lý vi phạm.

Điều 11. Hình thức và phương thức khai thác dữ liệu đất đai

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác thông tin đất đai được thực hiện thông qua dịch vụ cung cấp thông tin đất đai điện tử hoặc tại bộ phận một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai.

2. Nội dung thông tin được cung cấp gồm: thửa đất, chủ sử dụng đất, giấy chứng nhận, quy hoạch sử dụng đất, thông tin giao dịch bảo đảm, biến động đất đai và các dữ liệu khác theo quy định.

3. Việc cung cấp thông tin được thực hiện theo yêu cầu và phải nộp phí/lệ phí theo quy định của UBND tỉnh; bảo đảm đúng quy trình nghiệp vụ, thời gian giải quyết và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Điều 12. Những trường hợp không cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Thông tin, dữ liệu đất đai thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. Khi thông tin thuộc bí mật nhà nước được giải mật thì công dân được tiếp cận theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và quy định của Nghị định 101/2024/NĐ-CP.

2. Những thông tin, dữ liệu đất đai gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội mà pháp luật quy định.

3. Thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất mà chưa được sự đồng ý của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đó, trừ trường hợp phục vụ hoạt động điều tra, thi hành án dân sự, xác minh xử lý hành vi vi phạm pháp luật và phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

4. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu không hợp lệ theo quy định.

5. Tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai nhưng không thực hiện nộp phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai hoặc giá sản phẩm, dịch vụ gia tăng sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai theo quy định.

Điều 13. Thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cung cấp thông tin về dữ liệu đất đai của địa phương theo quy định.

2. Thủ tục cung cấp thông tin được thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Tổ chức và cá nhân có yêu cầu khai thác thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai phải trả phí khai thác và sử dụng tài liệu hoặc phải trả giá cung cấp sản phẩm, dịch vụ gia tăng sử dụng thông tin tư cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin đất đai, trừ các trường hợp sau đây:

a) Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai được công bố theo quy định tại Điều 58 Nghị định 101/2024/NĐ-CP thì không phải trả phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

b) Việc miễn, giảm phí, lệ phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định 101/2024/NĐ-CP.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.

Điều 15. Chia sẻ, tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai

1. Chia sẻ trong nội bộ tỉnh:

a) Cơ sở dữ liệu đất đai được chia sẻ giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh. Mức độ truy cập tùy thuộc vào vai trò của từng đơn vị.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị đầu mối quản lý, kiểm soát việc chia sẻ dữ liệu đất đai cho các sở, ngành, địa phương theo quy định.

2. Chia sẻ ra ngoài tỉnh hoặc kết nối quốc gia:

a) Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang được tích hợp, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đất đai do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

b) Việc chia sẻ dữ liệu ra ngoài tỉnh hoặc kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai phải thực hiện qua giao thức kỹ thuật, quy chuẩn bảo mật và API do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định.

c) Các dữ liệu chia sẻ phải được mã hóa, xác thực và kiểm soát truy cập để bảo đảm an toàn, tránh lộ lọt thông tin.

Chương IV
AN TOÀN AN NINH THÔNG TIN, BẢO MẬT VÀ SAO LƯU DỮ LIỆU

Điều 16. Nguyên tắc đảm bảo an toàn Hệ thống Cơ sở dữ liệu đất đai

1. Chỉ người sử dụng được trao quyền mới có thể truy nhập cơ sở dữ liệu đất đai và người sử dụng chỉ có thể cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai trong phạm vi thẩm quyền của mình.

2. Cơ sở dữ liệu đất đai phải được bảo đảm an toàn trước những thay đổi dữ liệu ngoài ý muốn và các hành động phá hoại. Không được cung cấp trái phép cơ sở dữ liệu đất đai dưới bất kỳ hình thức nào.

3. Không được phép chia sẻ, cung cấp ngoài thẩm quyền tài khoản truy cập đến dữ liệu đất đai dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Không được cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai ngoài thẩm quyền được giao theo quy định.

Điều 17. Quản lý an toàn, an ninh thông tin về vật lý đối với phòng máy chủ

1. Phòng máy chủ

a) Là khu vực hạn chế tiếp cận, chỉ những cá nhân có quyền, nhiệm vụ theo quy định của thủ trưởng cơ quan, đơn vị mới được phép vào phòng máy chủ.

b) Phải được trang bị hệ thống lưu điện đủ công suất và duy trì thời gian hoạt động của các máy chủ ít nhất 15 phút khi có sự cố mất điện.

c) Phải có hệ thống giám sát và đảm bảo an toàn phù hợp với yêu cầu của từng cấp độ an toàn theo quy định. Yêu cầu cơ bản về an toàn vật lý cho hệ thống thông tin theo cấp độ..

d) Tất cả máy chủ phải được thiết lập mật mã truy cập và chế độ tự động bảo vệ màn hình sau 10 phút không sử dụng.

đ) Phòng máy chủ phải được lắp đặt hệ thống báo cháy và hệ thống chống sét giúp phòng ngừa, sẵn sàng ứng phó với những sự cố mất an toàn thông tin.

2. Các thiết bị kết nối mạng, thiết bị bảo mật quan trọng như tường lửa, thiết bị định tuyến, hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ…

a) Phải được đặt trong phòng máy chủ.

b) Phải được thiết lập cơ chế bảo vệ, theo dõi phát hiện xâm nhập và biện pháp kiểm soát truy cập, kết nối vật lý phù hợp với từng khu vực: máy chủ và hệ thống lưu trữ; tủ mạng và đầu nối; thiết bị nguồn điện và dự phòng điện khẩn cấp; vận hành, kiểm soát, quản trị hệ thống.

Điều 18. Quản lý an toàn, an ninh thông tin đối với hạ tầng mạng, hệ thống máy chủ và thiết bị số

1. Hạ tầng mạng

a) Hệ thống mạng nội bộ

Hệ thống mạng nội bộ phải được thiết kế, phân vùng theo chức năng và chính sách an toàn thông tin, gồm: mạng người dùng; mạng kết nối ra Internet và các mạng khác; mạng máy chủ nội bộ; mạng máy chủ quản trị. Việc trao đổi dữ liệu giữa các vùng mạng phải được kiểm soát, giám sát thông qua các thiết bị bảo mật và hệ thống giám sát an toàn thông tin.

Thực hiện thiết lập, cấu hình đầy đủ các tính năng của thiết bị bảo mật theo thiết kế; triển khai các giải pháp phát hiện, đánh giá kịp thời các điểm yếu, lỗ hổng kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý các kết nối, thiết bị,

phần mềm cài đặt trái phép trên mạng. Nghiêm cấm tiết lộ thông tin về thiết kế, cấu hình hệ thống mạng nội bộ khi chưa được phép; không truy cập trái phép vào các khu vực mạng không được phân quyền.

b) Kết nối mạng Internet

Các đơn vị kết nối vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin khi kết nối Internet, tối thiểu bao gồm: triển khai hệ thống tường lửa, giải pháp bảo vệ truy cập, đáp ứng nhu cầu kết nối đồng thời, hỗ trợ công nghệ mạng riêng ảo (VPN) và có khả năng phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ. Đồng thời, thực hiện lọc, ngăn chặn truy cập đến các trang thông tin có nguy cơ chứa mã độc hoặc nội dung không phù hợp.

c) Quản lý kết nối thiết bị

Các đơn vị, cá nhân tham gia hệ thống mạng không được tự ý thay đổi cấu hình mạng hoặc đưa thiết bị mạng, thiết bị viễn thông vào kết nối khi chưa được phép.

2. Hệ thống máy chủ

Máy chủ phải được bố trí tại các vùng mạng riêng biệt, tối thiểu gồm: mạng máy chủ nội bộ và mạng máy chủ quản trị. Chỉ cho phép kết nối đến các dịch vụ cần thiết trên Internet và chỉ cung cấp các dịch vụ thực sự cần thiết ra bên ngoài.

Chỉ cài đặt, sử dụng phần mềm có bản quyền, nguồn gốc rõ ràng, phục vụ trực tiếp cho hoạt động hệ thống; không sử dụng phần mềm không an toàn hoặc không còn được hỗ trợ kỹ thuật. Triển khai các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung và hệ thống phòng, chống xâm nhập phù hợp theo cấp độ an toàn thông tin.

Thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ, xây dựng phương án dự phòng nhằm bảo đảm khả năng phục hồi khi xảy ra sự cố. Tổ chức giám sát hệ thống thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện, cảnh báo và xử lý nguy cơ mất an toàn thông tin.

3. Thiết bị số

Người sử dụng chỉ cài đặt các phần mềm cần thiết, có hỗ trợ cập nhật bản vá và thường xuyên cập nhật hệ điều hành, phần mềm ứng dụng nhằm khắc phục lỗ hổng bảo mật. Bắt buộc cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc và thiết lập chế độ tự động cập nhật; khi phát hiện dấu hiệu nhiễm mã độc phải ngừng sử dụng thiết bị và báo ngay cho bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin để xử lý.

Người sử dụng chỉ truy cập các hệ thống, ứng dụng, cổng thông tin tin cậy, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; có trách nhiệm bảo mật tài khoản, không chia sẻ mật khẩu và thông tin cá nhân. Việc sử dụng thiết bị cá nhân để kết nối vào mạng nội bộ phải được sự chấp thuận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

Đối với thiết bị phục vụ quản trị hệ thống, chỉ sử dụng cho mục đích quản trị; cài đặt phần mềm hợp pháp, cần thiết.

Điều 19. Quy định về đảm bảo an toàn cho hệ thống thông tin

1. Rà soát, đánh giá và xác định các sự cố an toàn thông tin, các rủi ro an toàn thông tin có thể xảy ra với từng thành phần hệ thống thông tin trong phạm vi quản lý của mình. Trên cơ sở đó, xây dựng và phê duyệt các phương án ứng cứu, xử lý sự cố phù hợp với các rủi ro có thể xảy ra.

2. Thường xuyên kiểm tra, rà soát tính sẵn sàng của các phương án ứng cứu sự cố; thực hiện đúng các hướng dẫn, quy trình xử lý sự cố an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước của tỉnh.

3. Bố trí máy chủ dự phòng khi có sự cố thì có thể phục hồi việc vận hành hệ thống không gây ảnh hưởng đến công việc của đơn vị.

4. Tăng cường hợp tác, phối hợp với Công an tỉnh và các tổ chức, đơn vị tư vấn, chuyên gia an toàn thông tin mạng trong việc bảo vệ hạ tầng thông tin trọng điểm của Sở, sẵn sàng triển khai kịp thời, hiệu quả phương án ứng cứu với những sự cố an toàn thông tin mạng.

Điều 20. Bảo mật thông tin, dữ liệu đất đai

1. Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin, dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh...

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, tiếp cận thông tin, bảo mật thông tin của cá nhân, tổ chức.

3. Nghiêm cấm các hành vi sử dụng chung hoặc sử dụng tài khoản của người khác để truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai.

4. Không được mua bán, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu trái quy định của pháp luật.

5. Nghiêm cấm các hành vi sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai không đúng mục đích hoặc ngoài mục đích xử lý nghiệp vụ chuyên môn được giao, vi phạm nguyên tắc bảo mật thông tin ngành trong công tác quản lý, vận hành, khai thác, chia sẻ, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai.

Điều 21. Sao lưu, xóa và phục hồi dữ liệu

1. Sao lưu cơ sở dữ liệu

a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm Quản lý thông tin đất đai chịu trách nhiệm sao lưu cơ sở dữ liệu thuộc tính, dữ liệu không gian, dữ liệu phi cấu trúc (hồ sơ quét) thường xuyên, đảm bảo khôi phục lại cơ sở dữ liệu khi có sự cố xảy ra;

b) Văn phòng đăng ký đất đai chịu trách nhiệm sao lưu cơ sở dữ liệu thuộc tính, dữ liệu không gian đất đai, dữ liệu phi cấu trúc (hồ sơ quét) định kỳ 30 ngày/01 lần vào hạ tầng lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai và định kỳ 03 tháng/01 lần vào thiết bị lưu trữ dữ liệu nằm ngoài hạ tầng lưu trữ nêu trên.

c) Đối với dữ liệu bản đồ địa chính dùng chung: được sao lưu 01 tuần/01 lần và được chép ra thêm một bản vào ổ cứng di động.

d) Các ổ cứng di động phục vụ cho việc sao lưu dữ liệu sao khi được chép dữ liệu phải được cất riêng ra khỏi hệ thống để lưu trữ.

2. Quy định về xóa dữ liệu:

a) Trường hợp cần thiết phải thực hiện xóa dữ liệu, chuyên viên xử lý đề xuất yêu cầu xóa dữ liệu theo mẫu tại *Phụ lục 2*. Yêu cầu xóa dữ liệu phải được phê duyệt bởi Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai. Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và pháp luật về quyết định của mình.

b) Sau khi được phê duyệt, người được Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai phân công nhiệm vụ xóa dữ liệu thực hiện xóa dữ liệu theo đề xuất.

c) Việc xóa dữ liệu phải được báo cáo về về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát, quản lý theo quy định.

3. Phục hồi cơ sở dữ liệu

Phục hồi cơ sở dữ liệu phải đảm bảo các nội dung sau:

- Việc phục hồi dữ liệu khi có sự cố phải được thực hiện nhanh chóng nhất có thể để đưa hệ thống trở lại hoạt động.

- Việc phục hồi dữ liệu trong trường hợp sự cố hỏng hóc hệ quản trị cơ sở dữ liệu hoặc hệ điều hành được thực hiện trong hai (02) ngày làm việc, tối đa bốn (04) ngày tính từ thời điểm phát hiện sự cố. Trường hợp sự cố hỏng hóc phần cứng được thực hiện trong hai (02) ngày làm việc, tối đa bốn (04) ngày tính từ thời điểm sự cố về phần cứng được khắc phục.

- Việc khắc phục sự cố và phục hồi dữ liệu do Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai chịu trách nhiệm trên cơ sở phân công phụ trách tùy theo mức độ sự cố và dữ liệu phải phục hồi nhưng cần đảm bảo nhân viên vận hành không tự ý phục hồi dữ liệu. Mọi thao tác phục hồi phải được ghi nhật ký trên sổ giấy và lưu trữ.

- Bản sao lưu sử dụng để phục hồi dữ liệu là bản sao lưu gần nhất trước thời điểm sự cố xảy ra

- Đối với việc phục hồi cơ sở dữ liệu trong quá trình thực hiện nghiệp vụ, chuyên viên xử lý đề xuất yêu cầu theo mẫu tại *Phụ lục 2* và gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Văn phòng đăng ký đất đai trước khi phối hợp với Đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm Quản lý thông tin đất đai thực hiện việc khôi phục dữ liệu.

- Khi có sự cố xảy ra liên quan đến cơ sở dữ liệu khác cần phải khôi phục, Đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm Quản lý thông tin đất đai có trách nhiệm thông báo về mức độ sự cố, kế hoạch khôi phục dữ liệu ngay lập tức về Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Văn phòng đăng ký đất đai để chỉ đạo.

Điều 22. Quy định về xử lý sự cố

1. Trong quá trình cập nhật, chỉnh lý biến động, vận hành và khai thác

CSDL đất đai, nếu phát hiện có sự cố thì đơn vị quản lý hạ tầng phải báo cáo ngay cho lãnh đạo, các cơ quan, đơn vị có liên quan để xử lý kịp thời. Tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng của sự cố, đánh giá và phân loại theo 03 mức: sự cố thông thường, sự cố nghiêm trọng và sự cố đặc biệt nghiêm trọng.

a) Đối với các sự cố thông thường (không gây ảnh hưởng đến việc vận hành CSDL đất đai), đơn vị quản lý hạ tầng nhanh chóng xử lý sự cố, trường hợp không xử lý được cần thông báo cho các đơn vị có liên quan để phối hợp giải quyết.

b) Đối với các sự cố nghiêm trọng (các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, máy chủ, đường truyền dữ liệu, các sự cố liên quan đến an ninh thông tin, mất mát dữ liệu, gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của hệ thống), ngay sau khi phát hiện sự cố đơn vị quản lý hạ tầng cần đánh giá nhanh ảnh hưởng của sự cố, tiến hành các biện pháp kịp thời để bảo vệ dữ liệu, ngăn chặn sự cố và thực hiện báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

c) Đối với các sự cố đặc biệt nghiêm trọng (gây ngưng trệ đến toàn bộ hoạt động của hệ thống CSDL đất đai), đơn vị quản lý hạ tầng phải tạm dừng hoạt động của hệ thống CSDL đất đai, tiến hành các biện pháp khắc phục để đưa hệ thống lại trong thời gian sớm nhất, đánh giá ảnh hưởng của sự cố và thực hiện báo cáo ngay về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Các nguyên tắc trong việc xử lý sự cố

a) Phải tuân thủ Quy trình xử lý sự cố do cơ quan quản lý về CSDL đất đai phê duyệt và ban hành;

b) Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và thiết bị của hệ thống;

c) Cơ sở dữ liệu đất đai phải được sao lưu trước khi xử lý sự cố;

d) Ghi nhật ký sự cố kỹ thuật phát sinh tại chỗ theo quy định;

đ) Thông báo cho các bên liên quan về thời gian khắc phục xong sự cố;

e) Lập báo cáo sự cố gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với các sự cố nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện sự cố.

3. Xử lý nhanh sự cố

1. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, xử lý nhanh chóng, kịp thời các lỗi, sự cố liên quan đến công tác cập nhật, chỉnh lý biến động, quản lý, vận hành và khai thác CSDL đất đai;

b) Ngừng vận hành hoặc khai thác, sử dụng một phần hoặc toàn bộ CSDL đất đai;

c) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn ngừa các sự cố có thể tiếp tục xảy ra và đảm bảo an toàn cho người và CSDL đất đai;

d) Phối hợp với các phòng, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn ngừa các sự cố có thể tiếp tục xảy ra và

đảm bảo an toàn cho người và CSDL đất đai;

đ) Tùy theo mức độ của sự cố, nhân viên vận hành báo cáo kịp thời đến lãnh đạo đơn vị để có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời;

e) Lập báo cáo nhanh sự cố;

g) Bảo vệ hiện trường, trừ trường hợp phải giải quyết khẩn cấp để hạn chế thiệt hại.

2. Đối với đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm Quản lý thông tin đất đai có trách nhiệm thông báo về sự cố, kế hoạch, phương án khắc phục sự cố ngay lập tức về Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Văn phòng đăng ký đất đai để đánh giá, phối hợp triển khai thực hiện và có báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRONG QUẢN LÝ VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 23. Trách nhiệm của Chi cục Quản lý đất đai

1. Chỉ đạo, tổ chức việc quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai; thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai và bản đồ địa chính dùng chung.

2. Chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường về độ chính xác, tính tin cậy của CSDL đất đai thuộc phạm vi quản lý, kiểm tra, giám sát.

3. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 24. Trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai

1. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quản lý, vận hành, cập nhật chỉnh lý, chia sẻ và khai thác sử dụng CSDL đất đai theo quy định.

2. Bố trí cán bộ đủ năng lực, chuyên môn để thực hiện công tác quản lý CSDL đất đai, bản đồ địa chính dùng chung đúng Quy chế.

3. Quản lý hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Sở Nông nghiệp và Môi trường; quản trị CSDL đất đai, đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động ổn định, thông suốt.

4. Nhận bàn giao các sản phẩm từ các công trình, dự án liên quan đến CSDL đất đai và tổ chức quản lý, lưu trữ và khai thác thông tin theo quy định.

5. Tổ chức sao lưu dự phòng thường xuyên và phục hồi hệ thống khi gặp sự cố.

6. Bảo đảm an toàn thông tin cho toàn hệ thống; thực hiện cập nhật, chỉnh lý biến động thường xuyên đối với hệ thống bản đồ địa chính và CSDL đất đai theo quy định; chịu trách nhiệm về độ chính xác của nội dung biến động được cập nhật, chỉnh lý.

7. Dự báo nhu cầu; xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động cơ sở dữ liệu đất đai hằng năm; thực hiện nâng cấp hệ thống máy chủ, phần mềm, đường truyền phù hợp với tình hình phát triển của cơ sở dữ liệu đất đai và công nghệ.

8. Định kỳ hàng tháng, 6 tháng, năm báo cáo tình hình cập nhật CSDL đất đai khi có yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 25. Trách nhiệm của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

1. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phải được kiện toàn tổ chức bộ máy, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và bố trí đủ số lượng viên chức, người lao động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khai thác, sử dụng, cập nhật, chỉnh lý biến động thường xuyên cơ sở dữ liệu đất đai và bản đồ địa chính dùng chung; chịu trách nhiệm quản lý hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của đơn vị.

2. Thực hiện cập nhật, chỉnh lý trên CSDL đất đai đang vận hành, phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Thực hiện số hóa (quét), quản lý Giấy chứng nhận và các giấy tờ kèm theo theo quy định; cập nhật vào CSDL đất đai đang vận hành. Đồng thời, thực hiện công tác lưu trữ, quản lý bản sao lưu dự phòng, bản sao Giấy chứng nhận và các giấy tờ khác phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

3. Thực hiện cập nhật, chỉnh lý biến động đối với hệ thống bản đồ địa chính dùng chung và cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định; thường xuyên kiểm tra, bảo đảm 100% máy tính người dùng khi kết nối vào hệ thống bản đồ địa chính dùng chung phải được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc có bản quyền; chịu trách nhiệm về độ chính xác của nội dung dữ liệu chỉnh lý, cập nhật.

4. Chủ động, tích cực hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu về công tác chuyên môn, nghiệp vụ khi khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên Hệ thống thông tin đất đai để giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền.

5. Thường xuyên nhắc nhở, chấn chỉnh và xử lý trách nhiệm đối với viên chức, người lao động thực hiện quản lý, cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu chậm trễ, không đúng quy định, để xảy ra sai sót hoặc mất dữ liệu; đồng thời, đề xuất khen thưởng đối với các cá nhân thực hiện đúng quy định, bảo đảm tiến độ, chất lượng và độ chính xác của cơ sở dữ liệu.

6. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin đối với dữ liệu trích xuất từ cơ sở dữ liệu; không để xảy ra rò rỉ thông tin; không cung cấp, chia sẻ thông tin cho tổ chức, cá nhân bên ngoài khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

Điều 26. Trách nhiệm của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã

1. Theo dõi, chịu trách nhiệm và xử lý nghiệp vụ đối với các hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền đang giải quyết; sau khi có kết quả giải quyết,

chuyển hồ sơ về Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật theo đúng quy định.

2. Quản lý hồ sơ địa chính, bao gồm: bản đồ địa chính (bản giấy), sổ địa chính, sổ mục kê, sổ theo dõi biến động và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

3. Được cấp quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu đất đai theo phân quyền để phục vụ công tác quản lý đất đai trên địa bàn; khi phát hiện sai sót, có trách nhiệm cung cấp thông tin và tài liệu liên quan cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phụ trách địa bàn để kiểm tra, cập nhật, bổ sung dữ liệu hoặc báo cáo theo thẩm quyền. Chỉ sử dụng dữ liệu được chia sẻ để phục vụ công tác quản lý nhà nước và trong quá trình thực thi công vụ.

4. Tuyệt đối không được cung cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu đất đai cho bên thứ ba; chỉ khai thác, sử dụng dữ liệu trong phạm vi được cấp quyền; sử dụng dữ liệu đúng mục đích; không truy cập trái phép vào cơ sở dữ liệu đất đai. Nghiêm cấm việc sử dụng dữ liệu cơ sở dữ liệu đất đai vào mục đích cá nhân hoặc thương mại.

5. Thường xuyên tham gia kiểm tra công chức, viên chức và người lao động trong việc vận hành quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Quy chế này.

6. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu bảo đảm đường truyền chuyên dùng hoạt động thông suốt 24/24 giờ. Trường hợp xảy ra sự cố về đường truyền, kịp thời phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Văn phòng Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý.

Điều 27. Trách nhiệm, quyền hạn của công chức, viên chức và người lao động trong việc khai thác sử dụng CSDL đất đai

1. Nghiêm chỉnh thực hiện Quy chế này và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn thông tin.

2. Tuyệt đối không được cung cấp tài khoản truy cập vào cơ sở dữ liệu đất đai do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng cho bên thứ ba sử dụng.

3. Kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý CSDL đất đai về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

4. Truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp, khi bị mất quyền truy cập cần báo ngay cho cơ quan quản lý Hệ thống thông tin đất đai kịp thời xử lý.

5. Khai thác, sử dụng dữ liệu trong phạm vi được cấp quyền; sử dụng dữ liệu đúng mục đích; không truy cập trái phép vào cơ sở dữ liệu đất đai.

6. Không được thay đổi, xóa, huỷ, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ dữ liệu; không được tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm thay đổi, phá hoại Hệ thống thông tin đất đai.

7. Khi công chức, viên chức và người lao động nghỉ việc, chuyển công tác phải thực hiện thu hồi tài khoản, bàn giao hồ sơ, dữ liệu theo quy định.

Điều 28. Trách nhiệm của đơn vị triển khai Hệ thống thông tin đất đai

1. Thực hiện triển khai xây dựng, cài đặt, cấu hình Hệ thống thông tin đất đai theo đúng thiết kế kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, chuyển giao công nghệ, quy trình vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống cho các cơ quan, đơn vị liên quan. Thực hiện hiệu chỉnh hệ thống; khắc phục kịp thời các lỗi kỹ thuật phát sinh trong quá trình vận hành.

3. Bảo đảm chất lượng hệ thống, bao gồm phần mềm, cơ sở dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật; bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, thông suốt trong quá trình vận hành.

4. Cập nhật và chuyển đổi dữ liệu đất đai theo đúng quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và phạm vi các dự án thiết kế kỹ thuật, kế hoạch đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp của cơ sở dữ liệu đất đai được cập nhật, chuyển đổi.

5. Phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai trong việc sao lưu, bảo mật dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin trong suốt quá trình vận hành hệ thống.

Điều 29. Xử lý trách nhiệm

1. Công chức, viên chức và người lao động vi phạm quy định thì, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị áp dụng các hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp công chức, viên chức và người lao động vi phạm quy định này gây thiệt hại về vật chất cho cơ quan thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành về trách nhiệm vật chất đối với công chức, viên chức và người lao động.

3. Công chức, viên chức, người lao động trực tiếp thực hiện công tác quản lý, cập nhật, chỉnh lý biến động CSDL đất đai và thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường nếu để xảy ra tình trạng thực hiện không đúng quy định hoặc chậm trễ so với thời gian quy định.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải

quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh. Đồng thời, định kỳ 02 lần/năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Sở; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai; Giám đốc các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, thì các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Phụ lục 1: PHIẾU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP, THAY ĐỔI QUYỀN TÀI KHOẢN NGƯỜI DÙNG

(Kèm theo Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

TÊN CƠ QUAN
ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP TÀI KHOẢN

Số: ……/……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày …… tháng …… năm 20…

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP (THAY ĐỔI QUYỀN) TÀI KHOẢN NGƯỜI DÙNG TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI ……..

Kính gửi:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;
- Văn phòng đăng ký đất đai.

Thực hiện Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang. Chúng tôi đề nghị được cung cấp (thay đổi) quyền tài khoản người dùng đối với Hệ thống thông tin đất đai …… như sau:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Email công vụ	Phân quyền *(Xem/Cập nhật)*	Cấp mới /Thay đổi quyền /Hủy bỏ	Ghi chú
1							
2							

- Đầu mối liên hệ: đồng chí …… số điện thoại:……

Chúng tôi cam kết thực hiện Quy chế quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang tuân thủ theo các quy định và chịu trách nhiệm về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và nguồn gốc của thông tin cơ sở dữ liệu./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,….

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2: PHIẾU ĐỀ NGHỊ XÓA, PHỤC HỒI DỮ LIỆU

(Kèm theo Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

TÊN CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ

Số: ……/……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày …… tháng …… năm 20…

PHIẾU ĐỀ NGHỊ XÓA, PHỤC HỒI DỮ LIỆU TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI ……..

Kính gửi: Văn phòng đăng ký đất đai/ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực …

Thực hiện Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang. Chúng tôi đề nghị được xóa dữ liệu /Phục hồi dữ liệu Hệ thống thông tin đất đai …… như sau:

TT	Họ và tên người đề nghị	Đơn vị công tác	Chức vụ	Mô tả sự cố	Đề nghị xóa dữ liệu/ phục hồi dữ liệu	Ghi chú

Chúng tôi cam kết thực hiện Quy chế quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang tuân thủ theo các quy định và chịu trách nhiệm về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và nguồn gốc của thông tin cơ sở dữ liệu./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/cáo);
- Văn phòng đăng ký đất đai (b/cáo);
- Lưu: VT,….

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)